

Bản án số: 53/2017/HS-ST
Ngày: 22-9-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Phi - Giám đốc Trung tâm dân số kế hoạch hóa gia đình huyện Dầu Tiếng;
2. Bà Nguyễn Ngọc Hiếu - Phó chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Bá Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 46/2017/TLST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2017/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. *Họ và tên:* Nguyễn Văn T1, sinh năm 1987, tại Bình Dương; hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp Đ, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1931 (chết năm 2002) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1952; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 03/02/2016; trả tự do ngày 13/02/2016; bị cáo có mặt.

2. *Họ và tên:* Đinh Văn Đ2, sinh năm 1987, tại Bình Dương; hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp Đ, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; con ông Đinh Văn C, sinh năm 1960 và bà Đoàn Thị H, sinh năm 1966; có vợ tên Lê Thị Thu N, sinh năm 1993 và có 01 con sinh năm 2012; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 03/02/2016; trả tự do ngày 13/02/2016; bị cáo có mặt.

3. *Họ và tên:* Đào Văn Đ2, sinh năm 1963, tại Thái Bình; hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp Đ, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 03/10; con ông Đào Văn S, sinh năm 1927 và bà Phạm Thị M, sinh năm 1930 (chết năm 2015); có vợ tên Lê Thị Thúy N, sinh năm 1969 và có 02 con (lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2000); tiền án: Tại bản án hình sự phúc thẩm số 58/HSPT ngày 08/9/1997, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 01 (một) năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; Tại bản án hình sự sơ thẩm số 14/2006/HSST ngày 14/12/2006, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, với thời gian thử thách 03 (ba) năm về tội “Tổ chức đánh bạc”; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 03/02/2016; trả tự do ngày 13/02/2016; bị cáo có mặt.

4. *Họ và tên:* Đinh Văn H, sinh năm 1989, tại Bình Dương; hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp Đ, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; con ông Đinh Văn C, sinh năm 1960 và bà Đoàn Thị H, sinh năm 1966; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 03/02/2016; trả tự do ngày 13/02/2016; bị cáo có mặt.

5. *Họ và tên:* Trương Văn C1, sinh năm 1987, tại Bình Dương; hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp Đ, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; con ông Trương Văn S, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1955; có vợ tên Phạm Thị Tuyết M, sinh năm 1991 và có 02 con (lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2015); tiền án: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 61/2009/HSST ngày 28/10/2009 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước xử phạt 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, với thời gian thử thách 05 (năm) năm về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 03/02/2016; trả tự do ngày 13/02/2016; bị cáo có mặt.

6. *Họ và tên:* Nguyễn Chí T2, sinh năm 1986, tại Bình Dương; hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp Đ, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Cạo mủ cao su; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1963; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 03/02/2016; trả tự do ngày 13/02/2016; bị cáo có mặt.

7. *Họ và tên:* Trần Văn C2, sinh năm 1984, tại Thái Bình; hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp L, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 04/12; dân tộc: Kinh; con ông Trần Văn T, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962; có vợ tên Đồng Thị Thanh T, sinh năm 1992 và có 01 con sinh năm 2016; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 03/02/2016; trả tự do ngày 13/02/2016; bị cáo có mặt.

8. *Họ và tên:* Trần Đức L, sinh năm 1970, tại Thái Bình; hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp Đ, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; con ông Trần Đức H, sinh năm 1938 (chết năm 2007) và bà Bùi Thị X, sinh năm 1938 (chết năm 2012); có vợ tên Nguyễn Thị Q, sinh năm 1979 và có 02 con (lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 1999); tiền án: Không; tiền sự: Không; bắt tạm giam ngày 03/02/2016; trả tự do ngày 13/02/2016; bị cáo có mặt.

9. *Họ và tên:* Phạm Duy T3, sinh năm 1990, tại Bình Dương; hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp Đồng S, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; con ông Phạm Hồng T, sinh năm 1964 và bà Trần Thị T, sinh năm 1967; có vợ tên Phan Thị T, sinh năm 1995 và có 01 con sinh năm 2015; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; bị cáo có đơn xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Đỗ Văn A, sinh năm 1974; hộ khẩu thường trú: Tổ 3, khu phố 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước. Có mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1985; hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 03/02/2016, Nguyễn Văn T1 rủ Trần Đức L, Nguyễn Chí T2, Đinh Văn Đ1, Phạm Duy T3 đến nhà Đinh Văn Đ1 ở ấp Đ, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương chơi đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức lắc bầu cua, tất cả đồng ý. T1 điều khiển xe mô tô không rõ chủ sở hữu dựng trước cửa nhà L, trên xe có gắn sẵn chìa khóa đi đến tiệm tạp hóa mua bộ lắc bầu cua về nhà Đ để chơi đánh bạc cùng với L, T2, Đ1 và T3. Sau đó, có Đinh Văn H, Trương Văn C1, Trần Văn C2, Đào Văn Đ2 đến cùng tham gia đánh bạc, T1 trực tiếp làm cái.

Hình thức đánh bạc là sử dụng bộ bầu cua gồm 01 tấm giấy màu trắng dài 60cm, rộng 40cm, có in hình bầu, cua, tôm, cá, nai, gà và 03 cục kê (cục bằng giấy) 02 x 02 x 02cm có in hình bầu, cua, tôm, cá, nai, gà trên mỗi cục. T1 lấy 01 nồi cơm điện bằng nhôm màu trắng có đường kính 20cm úp lên một cái đĩa bằng kim loại màu trắng tròn đường kính 25cm lấy tại nhà Đ1 bỏ 03 cục kê bên trong để lắc. Mỗi ván đặt cược từ 10.000 đồng đến 50.000 đồng. Cả hội chơi đến khoảng 23 giờ cùng ngày thì bị Công an huyện D bắt quả tang, thu giữ:

* Thu giữ tại chiếu bạc các vật chứng gồm:

- 01 tấm giấy màu trắng, kích thước 40 x 60cm có in hình bầu, cua, tôm, cá, nai, gà; 01 nồi cơm điện màu trắng bằng nhôm đường kính 20cm, 01 cái đĩa bằng kim loại màu trắng, đường kính 25cm, 03 hộp giấy hình vuông 02 x 02 x 02cm có in hình bầu, cua, tôm, cá, nai, gà.

- Tiền Việt Nam 640.000 đồng.
- * Thu giữ trên người các đối tượng:
 - Nguyễn Văn T1:
 - + Tiền Việt Nam 6.888.000 đồng;
 - + 01 điện thoại Nokia model 105 màu đen, số IMEI 359736/06/404630/9;
 - + 01 bóp da màu đen;
 - + 01 giấy phép lái xe tên Nguyễn Văn T1;
 - + 01 giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Văn T1;
 - + 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 61H1-20587.
 - Đào Văn Đ2:
 - + Tiền Việt Nam 361.000 đồng;
 - + 01 điện thoại Iphone 5, số IMEI: 013885005580377 màu trắng;
 - Trương Văn C1:
 - + Tiền Việt Nam 5.000 đồng;
 - + 01 điện thoại Nokia model 105 màu xanh-đen, số IMEI: 357825/06/387467/0.
 - Đinh Văn H:
 - + 01 điện thoại Nokia model 1208, màu xanh, số IMEI: 356340/05/006898/0;
 - Nguyễn Chí T2:
 - + 01 điện thoại Sam Sung màu trắng, model GT-S5360, số IMEI: 357195/05/011023/5;
 - Trần Văn C2:
 - + 01 điện thoại Nokia model 1035 màu đen, số IMEI: 353686/07/717254/1;
 - + Tiền Việt Nam 155.000 đồng;
 - Trần Đức L:
 - + Tiền Việt Nam 100.000 đồng;
 - + 01 điện thoại Nokia model 1208, số IMEI 54309/04/260482/4.
- * Thu giữ phương tiện gồm:
 - 01 xe Sirius màu đỏ đen, biển số 61H1-20587, số máy: 1FC1-022963;
 - 01 xe Wave màu xanh, biển số 93F2-5150, số máy: LC152FMH 21014511;
 - 01 xe Wave màu đỏ, biển số 61N1-2985, số máy: VDP1P52FMH303554;

- 01 xe Drem màu nâu, biển số 61H1-161.66, số máy: HA08E-1570775;
- 01 xe Cup màu xanh, biển số 51FB -3639, số máy: C50E -9073112.

Quá trình điều tra xác định:

Khoảng 19 giờ ngày 03/02/2016, Trần Đức L, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Chí T2, Đinh Văn Đ1, Phạm Duy T3 tổ chức uống rượu tại nhà L ở ấp Đ, xã M, huyện D. Khoảng 20 giờ cùng ngày, sau khi uống rượu xong, T1 rủ cả nhóm đến nhà Đinh Văn Đ1 ở đối diện nhà L chơi đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức lắc bầu cua, tất cả đồng ý. Sau đó T1 điều khiển xe mô tô không rõ chủ sở hữu dựng trước cửa nhà L, trên xe có gắn sẵn chìa khóa đi đến tiệm tạp hóa mua bộ lắc bầu cua về nhà Đ1 để chơi đánh bạc.

T1 làm cái và sử dụng số tiền 5.800.000 đồng để đánh bạc cùng với Đinh Văn Đ1, Đào Văn Đ2, Đinh Văn H, Trương Văn C1, Nguyễn Chí T2, Trần Văn C2, Trần Đức L, Phạm Duy T3. Đến lúc bị bắt quả tang, T1 chơi khoảng 20- 30 ván, thắng được 1.088.000 đồng.

Đinh Văn Đ1 sử dụng 30.000 đồng vào mục đích đánh bạc, tham gia 10 ván, đặt cược mỗi ván từ 10.000 đồng đến 20.000 đồng, thua hết 30.000 đồng.

Trần Đức L đi bộ đến nhà Đ1 tham gia đánh bạc, L sử dụng 100.000 đồng vào việc đánh bạc, tham gia 03 ván, đặt cược mỗi ván từ 10.000 đồng đến 20.000 đồng không thắng, không thua.

- Nguyễn Chí T2, điều khiển xe Wave màu xanh, biển số 93F2-5150, số máy: LC152FMH 21014511 đến nhà Đ1 tham gia đánh bạc, T2 mang theo 100.000 đồng dùng vào việc đánh bạc, tham gia đặt 03 ván, đặt cược mỗi ván 10.000 đồng, thua 20.000 đồng. Số tiền còn lại T2 đã bỏ tại chiếu bạc khi Công an đến bắt quả tang.

- Phạm Duy T3, đi bộ đến nhà Đ1 tham gia đánh bạc, mang theo 70.000 đồng để dùng vào việc đánh bạc, tham gia đặt 07 ván, đặt cược mỗi ván từ 10.000 đồng đến 20.000 đồng, thua 40.000 đồng. Khi Công an bắt quả tang, T bỏ chạy và cầm theo 30.000 đồng.

- Khoảng 21 giờ 30 phút, Phạm Duy T3 điện thoại cho Đào Văn Đ2 rủ Đ2 tới nhà Đinh Văn Đ1 để chơi đánh bạc. Đ2 đồng ý và điều khiển xe mô tô Cup màu xanh, biển số 51FB -3639, số máy: C50E -9073112 đến nhà Đ1 chơi đánh bạc. Đ2 sử dụng 161.000 đồng vào việc đánh bạc, tham gia khoảng 06-07 ván, đặt cược mỗi ván từ 10.000 đồng đến 20.000 đồng, thắng 200.000 đồng.

- Khoảng 22 giờ 30 phút, Đinh Văn H đi bộ qua nhà Đinh Văn Đ1 chơi, thấy có đánh bạc, H mượn của Đ1 100.000 đồng để dùng vào việc đánh bạc, tham gia đặt cược khoảng 07-08 ván, mỗi ván đặt 10.000 đồng đến 20.000 đồng, thua hết 100.000 đồng.

- Khoảng 22 giờ 30 phút, Trương Văn C1 đi bộ đến nhà Đinh Văn Đ1 tìm Phạm Duy T3 để mượn tiền xài, thấy nhà Đ1 có đánh bạc nên C1 tham gia chơi, C1 sử dụng 65.000 đồng vào việc đánh bạc, tham gia 03 ván, mỗi ván đặt 20.000 đồng, thua hết 60.000 đồng.

- Khoảng 22 giờ 40 phút, Trần Văn C2 điều khiển xe Drem màu nâu, biển số 61H1-161.66, số máy: HA08E-1570775 đến nhà Đinh Văn Đ1 để trả cân đồng hồ mà C2 mượn Đ1, thấy nhà Đ1 có đánh bạc nên tham gia, C2 sử dụng 165.000 đồng vào việc đánh bạc, tham gia khoảng 04 ván, mỗi ván đặt 10.000 đồng, thua 10.000 đồng

Tại Cáo trạng số 47/QĐ/KSĐT ngày 04/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T1, Đinh Văn Đ1, Đào Văn Đ2, Đinh Văn H, Trương Văn C1, Nguyễn Chí T2, Trần Văn C2, Trần Đức L, Phạm Duy T3 về tội “Đánh bạc” theo Khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo Khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

* Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 từ 06 đến 08 tháng tù.

* Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 30; Điều 53 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo:

- Đinh Văn Đ1 từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng.
- Đinh Văn H từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng.
- Nguyễn Chí T2 từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng.
- Trần Văn C2 từ 7.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng.
- Trần Đức L từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng.
- Phạm Duy T3 từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

* Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điểm g Khoản 1 Điều 48; Điều 53 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo:

- Đào Văn Đ2 từ 06 đến 08 tháng tù.
- Trương Văn C1 từ 04 đến 06 tháng tù.

* Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 41, 42 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Tòa án tuyên:

- Đối với số tiền 8.149.000 mà Cơ quan Công an thu giữ, xét thấy đây là tiền sử dụng vào việc đánh bạc trái phép nên tịch thu xung quỹ nhà nước. Đồng thời buộc Phạm Duy T3 nộp lại 30.000 đồng tiền sử dụng vào việc đánh bạc.

- Đối với 01 tấm giấy màu trắng, kích thước 40 x 60cm có in hình bầu, cua, tôm, cá, nai, gà; 01 nồi cơm điện màu trắng bằng nhôm đường kính 20cm, 01 cái đĩa bằng kim loại màu trắng, đường kính 25cm, 03 hộp giấy hình vuông 02 x 02 x 02cm có in hình bầu, cua, tôm, cá, nai, gà. Xét thấy đây là công cụ sử dụng vào việc đánh bạc nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại Iphone 5, số IMEI: 013885005580377 màu trắng thu giữ của Đào Văn Đ2, xét đây là công cụ mà Đ2 sử dụng để liên lạc với T3 về việc đánh bạc nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại Nokia model 105 màu xanh-đen, số IMEI: 357825/06/387467/0 thu giữ của Trương Văn C1, xét thấy đây là tài sản hợp pháp của C1, C1 không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên trả lại cho C1.

- Đối với 01 điện thoại Nokia model 1208, màu xanh, số IMEI: 356340/05/006898/0 thu giữ của Đinh Văn H, xét thấy đây là tài sản hợp pháp của H, H không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên trả lại cho H.

- Đối với 01 điện thoại Samsung màu trắng, model GT-S5360, số IMEI: 357195/05/011023/5 thu giữ của Nguyễn Chí T2, xét thấy đây là tài sản hợp pháp của T2, T2 không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên trả lại cho T2.

- Đối với 01 điện thoại Nokia model 1035 màu đen, số IMEI: 353686/07/717254/1 của Trần Văn C2, xét thấy đây là tài sản hợp pháp của C2, C2 không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên trả lại cho C2.

- Đối với 01 điện thoại Nokia model 1208, số IMEI: 54309/04/260482/4 của Trần Đức L, xét thấy đây là tài sản hợp pháp của L, L không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên trả lại cho L.

- Đối với 01 xe mô tô Sirius màu đỏ đen, biển số 61H1-20587, số máy: 1FC1- 022963; 01 điện thoại Nokia model 105 màu đen, số IMEI 359736/06/404630/9; 01 bóp da màu đen; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 61H1-20587; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn T1; 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn T1 là tài sản hợp pháp của Nguyễn Văn T1 và T1 không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên trả lại cho T1.

- Đối với 01 xe mô tô Drem màu nâu, biển số 61H1-161.66, số máy: HA08E-1570775 do Trần Văn C2 điều khiển đến nhà Đinh Văn Đ1 để trả cân đồng hồ mà C2 mượn của Đ1, thấy có đánh bạc, C2 vào tham gia. Xe mô tô này C2 mua lại của Phan Anh T ở ấp C, xã M, huyện D vào ngày 14/10/2015 (có giấy mua bán xe nhưng chưa làm thủ tục sang tên). Xét thấy, xe mô tô này C2 không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên trả lại cho C2.

- Đối với 01 xe mô tô Cup màu xanh, biển số 51FB-3639, số máy: C50E-9073112 thu giữ của Đào Văn Đ2. Xe mô tô này do ông Đặng Đình H đứng tên chủ sở hữu, ông H đã bán cho ông Đỗ Văn A, sinh năm 1974; HKTT: Tổ 3, khu phố 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Ông A cho bị cáo Đ2 mượn xe mô tô này để đi làm, không biết Đ2 sử dụng xe đi đánh bạc nên trả lại xe cho ông A.

- Đối với 01 xe mô tô Wave màu xanh, biển số 93F2-5150, số máy: LC152FMH 21014511 thu giữ của Nguyễn Chí T2, xe này T2 mua của bà Hà Thị Thu T, sinh năm 1977; ngụ tại khu phố 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Xét thấy, xe mô tô thu của Nguyễn Chí T2, T2 sử dụng làm phương tiện để đi đánh bạc nên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- Đối với 01 xe mô tô Wave màu đỏ, biển số 61N1- 2985, số máy: VDP1P52FMH303554 của Đinh Văn Đ1. Đ1 khai mua lại xe mô tô này của người không rõ nhân thân, lai lịch, không làm thủ tục sang tên, không có giấy

đăng ký xe. Cơ quan Công an đã tiến hành tra cứu đồng thời đã đăng báo truy tìm chủ sở hữu 03 kỳ liên tiếp trên báo Bình Dương nhưng không có dữ liệu và kết quả. Xe mô tô thu giữ của Đinh Văn Đ1, Đ1 không sử dụng vào việc đánh bạc nhưng xe không có giấy tờ hợp pháp nên giao Ủy ban nhân dân huyện D xử lý theo quy định.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến gì khác, đồng ý đối với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương theo Cáo trạng số 47/QĐ/KSĐT ngày 04/8/2017.

Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái, các bị cáo đã biết lỗi của mình nên mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo sớm trở về đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận: Khoảng 20 giờ ngày 03/02/2016, Nguyễn Văn T1 rủ Trần Đức L, Nguyễn Chí T2, Đinh Văn Đ1, Phạm Duy T3 đến nhà Đinh Văn Đ1 ở ấp Đ, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương chơi đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức lắc bầu cua, tất cả đồng ý. T1 đi đến tiệm tạp hóa mua bộ lắc bầu cua về nhà Đ1 để chơi đánh bạc cùng với L, T2, Đ1 và T3. Sau đó, có Đinh Văn H, Trương Văn C1, Trần Văn C2, Đào Văn Đ2 đến cùng tham gia đánh bạc, T1 trực tiếp làm cái. Cả nhóm chơi đến khoảng 23 giờ cùng ngày thì bị Công an huyện D bắt phạm tội quả tang. Tổng số tiền thu giữ sử dụng vào việc đánh bạc là 8.149.000 đồng.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự thì “*Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 249 của Bộ luật này chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm.*”. Mặc khác tại thời điểm truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo về tội “Đánh bạc”, pháp luật nhà nước có sự thay đổi theo hướng

tăng mức định lượng về số tiền truy cứu trách nhiệm hình sự từ 2.000.000 đồng lên 5.000.000 đồng theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Như vậy, hành vi của các bị cáo trên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại Khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự.

[3] Tình trạng đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới nhiều hình thức là một tệ nạn của xã hội ngày càng tăng và diễn biến phức tạp. Hành vi đánh bạc của các bị cáo T1, Đ1, Đ2, H, C1, T2, C2, L, T3 đã làm ảnh hưởng đến trật tự quản lý xã hội và tình hình an ninh trật tự tại địa phương, đây cũng là nguyên nhân kéo theo nhiều tệ nạn xã hội khác. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, đủ khả năng nhận thức được Nhà nước nghiêm cấm việc tổ chức đánh bạc dưới mọi hình thức nhưng vì động cơ tư lợi mà các bị cáo đã bất chấp pháp luật để phạm tội. Đây là vụ án có tính đồng phạm giản đơn, bởi lẽ các bị cáo đều tham gia với vai trò người thực hành, với lỗi cố ý trực tiếp, chỉ vì ham lợi nhất thời, muốn hưởng lợi mà không phải bỏ nhiều công sức mà các bị cáo đã dấn thân vào con đường phạm tội. Hội đồng xét xử phân tích vai trò của từng bị cáo: Bị cáo Nguyễn Văn T1 là người đã rủ rê, lôi kéo các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội tại nhà bị cáo Đinh Văn Đ1, đồng thời cũng chính bị cáo là người chuẩn bị công cụ phạm tội bằng cách đi mua 01 bộ bầu cua gồm có 01 tấm giấy màu trắng, kích thước 40 x 60cm có in hình bầu, cua, tôm, cá, nai, gà; 03 hộp giấy hình vuông 02 x 02 x 02cm có in hình bầu, cua, tôm, cá, nai, gà. Sau đó bị cáo lấy 01 nồi cơm điện màu trắng bằng nhôm đường kính 20cm, 01 cái đĩa bằng kim loại màu trắng, đường kính 25cm để làm cái phục vụ cho việc đánh bạc thắng thua bằng tiền. Riêng các bị cáo còn lại Đinh Văn Đ1, Đào Văn Đ2, Đinh Văn H, Trương Văn C1, Nguyễn Chí T2, Trần Văn C2, Trần Đức L, Phạm Duy T3 tự mình chủ động tham gia đánh bạc với vai trò làm cái và sử dụng số tiền để đánh bạc (Đ1 mang theo 30.000 đồng; L 100.000 đồng; T2 100.000 đồng; T3 70.000 đồng; Đ2 161.000 đồng; H 100.000 đồng; C1 65.000 đồng; C2 165.000 đồng). Vì vậy, các bị cáo trên phải chịu trách nhiệm hình sự về đồng phạm tội đánh bạc với vai trò thực hành, cần phải có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà từng bị cáo đã thực hiện.

[4] Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo T1, Đ1, H, T2, C2, L, T3 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo C2, L, C1 có người thân là người có công với cách mạng. Đó là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo C1 là lao động chính trong gia đình. Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo Đinh Văn Đ1, Đinh Văn H, Nguyễn Chí T2, Trần Văn C2, Trần Đức L, Phạm Duy T3 mang theo số tiền đánh bạc không lớn; nhân thân chưa có tiền án, tiền sự. Vì vậy, việc không bắt các bị cáo đi chấp hành án phạt tù thì không ảnh hưởng đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm và trật tự an toàn xã hội, chỉ cần áp dụng hình phạt tiền cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với các bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Trương Văn C1 đã từng bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước xử phạt 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, với thời gian thử thách 05 (năm) năm về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo bản án số 61/2009/HSST ngày 28/10/2009, sau khi chấp hành xong hình phạt thì ngày 26/7/2017, bị cáo mới thực hiện nghĩa vụ nộp số tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng theo biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0009836 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Đối với bị cáo Đào Văn Đ2 đã từng bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 01 (một) năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo bản án số 58/HSPT ngày 08/9/1997 và Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, với thời gian thử thách 03 (ba) năm về tội “Tổ chức đánh bạc” theo bản án số 14/2006/HSST ngày 14/12/2006, mặc dù bản thân bị cáo đã chấp hành xong hình phạt của hai bản án nêu trên nhưng đến ngày 08/9/2017 và ngày 14/9/2017, bị cáo mới thực hiện nghĩa vụ nộp số tiền 5.200.000 đồng (bao gồm tiền án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm và hình phạt bổ sung). Do đó, bị cáo C1, Đ2 chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này bị cáo C1 thuộc trường hợp tái phạm, bị cáo Đ2 thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

[6] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về tội danh, điều luật truy tố các bị cáo Đ1, H, T2, C2, L, T3, C1, T1, Đ2 là hoàn toàn có căn cứ nên được chấp nhận. Tuy nhiên mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Văn T1, Đào Văn Đ2 chưa phù hợp, bởi lẽ: Đối với bị cáo T1: Mặc dù bản thân bị cáo trong vụ này là người khởi xướng và chuẩn bị công cụ phạm tội nhưng nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; đối với bị cáo Đ2: Bị cáo phạm tội do sự rủ rê của bị cáo Phạm Duy T3, số tiền mang theo đánh bạc không lớn chỉ có 161.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định mức án khác so với mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại Iphone 5, số IMEI: 013885005580377 màu trắng thu giữ của Đào Văn Đ2, xác định đây là công cụ mà Đ2 sử dụng để liên lạc với T3 về việc đánh bạc nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại Nokia model 105 màu xanh – đen, số IMEIL: 357825/06/387467/0 thu giữ của Trương Văn C1, xét thấy đây là tài sản hợp pháp của C1, C1 không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên trả lại cho C1.

- Đối với 01 điện thoại Nokia model 1208, màu xanh, số IMEI: 356340/05/006898/0 thu giữ của Đinh Văn H, xét thấy đây là tài sản hợp pháp của H, H không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên trả lại cho H.

- Đối với 01 điện thoại Samsung màu trắng, model GT –S5360, số IMEI: 357195/05/011023/5 thu giữ của Nguyễn Chí T2, xét thấy đây là tài sản hợp pháp của T2, T2 không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên trả lại cho T2.

- Đối với 01 điện thoại Nokia model 1035 màu đen, số IMEI: 353686/07/717254/1 của Trần Văn C2, xét thấy đây là tài sản hợp pháp của C2, C2 không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên trả lại cho C2.

- Đối với 01 điện thoại Nokia model 1208, số IMEI: 54309/04/260482/4 của Trần Đức L, xét thấy đây là tài sản hợp pháp của L, L không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên trả lại cho L.

- Đối với 01 mô tô xe Sirius màu đỏ đen, biển số 61H1-20587, số máy: 1FC1 – 022963; 01 điện thoại Nokia model 105 màu đen, số IMEI 359736/06/404630/9; 01 bóp da màu đen; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 61H1-20587; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn T1; 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn T1 là tài sản hợp pháp của Nguyễn Văn T1 và không liên quan đến việc đánh bạc nên cần trả lại cho T1.

- Đối với 01 xe mô tô Drem màu nâu, biển số 61H1-161.66, số máy: HA08E-1570775 do Trần Văn C2 điều khiển đến nhà Đinh Văn Đ1 để trả cân đồng hồ mà C2 mượn của Đ1, thấy có đánh bạc, C2 vào tham gia. Xe mô tô này C2 mua lại của Phan Anh T ở ấp C, xã M, huyện D vào ngày 14/10/2015 (có giấy mua bán xe nhưng chưa làm thủ tục sang tên). Xét thấy, xe mô tô này C2 không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên trả lại cho C2.

- Đối với 01 xe mô tô Cup màu xanh, biển số 51FB-3639, số máy: C50E-9073112 thu giữ của Đào Văn Đ2. Xe mô tô này do ông Đặng Đình H đứng tên chủ sở hữu, ông H đã bán cho ông Đỗ Văn A, sinh năm 1974; HKTT: Tổ 3, khu phố 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Ông A cho bị cáo Đ2 mượn xe mô tô này để đi làm, không biết Đ2 sử dụng xe đi đánh bạc nên trả lại xe cho ông A.

- Đối với 01 xe mô tô Wave màu xanh, biển số 93F2-5150, số máy: LC152FMH 21014511 thu giữ của Nguyễn Chí T2, xe này T2 mua của bà Hà Thị Thu T, sinh năm 1977; ngụ tại Khu phố 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Xét thấy, xe mô tô thu của Nguyễn Chí T2, T2 sử dụng làm phương tiện để đi đánh bạc nên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- Đối với 01 xe mô tô Wave màu đỏ, biển số 61N1- 2985, số máy: VDP1P52FMH303554 của Đinh Văn Đ1. Đ1 khai mua lại xe mô tô này của người không rõ nhân thân, lai lịch, không làm thủ tục sang tên, không có giấy đăng ký xe. Cơ quan Công an đã tiến hành tra cứu đồng thời đã đăng báo truy tìm chủ sở hữu 03 kỳ liên tiếp trên báo Bình Dương nhưng không có dữ liệu và kết quả. Xe mô tô thu giữ của Đinh Văn Đ1, Đ1 không sử dụng vào việc đánh bạc nhưng xe không có giấy tờ hợp pháp nên giao Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương xử lý theo quy định.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T1, Đinh Văn Đ1, Đào Văn Đ2, Đinh Văn H, Trương Văn C1, Nguyễn Chí T2, Trần Văn C2, Trần Đức L, Phạm Duy T3 phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và Khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 05 (năm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 03/02/2016 đến ngày 13/02/2016.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điểm g Khoản 1 Điều 48; Điều 53 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và Khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Trương Văn C1 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 03/02/2016 đến ngày 13/02/2016.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điểm g Khoản 1 Điều 48; Điều 53 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và Khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Đào Văn Đ2 05 (năm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 03/02/2016 đến ngày 13/02/2016.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 248; điểm h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 30; Điều 53 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và Khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Đinh Văn Đ1 số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Đinh Văn H số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí T2 số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Trần Văn C2 số tiền 9.000.000 đồng (chín triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Trần Đức L số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Phạm Duy T3 số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điểm a, b Khoản 1, Khoản 2 Điều 41, Khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự; Điểm a, b, c, d Khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: số tiền 8.149.000 đồng (tám triệu một trăm bốn mươi chín ngàn đồng); 01 điện thoại Iphone 5, số IMEI: 013885005580377 màu trắng thu giữ của bị cáo Đào Văn Đ2; 01 xe Wave màu

xanh, biển số 93F2-5150, số máy: LC152FMH 21014511 thu giữ của bị cáo Nguyễn Chí T2.

- Buộc bị cáo Phạm Duy T3 nộp lại 30.000 đồng (ba mươi ngàn đồng) tiền sử dụng vào việc đánh bạc để sung công quỹ Nhà nước.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 tấm giấy màu trắng, kích thước 40 x 60cm có in hình bầu, cua, tôm, cá, nai, gà; 01 nồi cơm điện màu trắng bằng nhôm đường kính 20cm; 01 cái đĩa bằng kim loại màu trắng, đường kính 25cm; 03 hộp giấy hình vuông 02 x 02 x 02cm có in hình bầu, cua, tôm, cá, nai, gà.

- Trả cho bị cáo Nguyễn Văn T1: 01 điện thoại Nokia model 105 màu đen, số IMEI 359736/06/404630/9; 01 bóp da màu đen; 01 giấy phép lái xe tên Nguyễn Văn T1; 01 giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Văn T1; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 61H1- 20587; 01 xe Sirius màu đỏ đen, biển số 61H1-20587, số máy: 1FC1 - 022963.

- Trả lại cho bị cáo Trương Văn C1: 01 điện thoại Nokia model 105 màu xanh – đen, số IMEIL: 357825/06/387467/0.

- Trả lại cho bị cáo Đinh Văn H: 01 điện thoại Nokia model 1208, màu xanh, số IMEI: 356340/05/006898/0.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Chí T2: 01 điện thoại Samsung màu trắng, model GT –S5360, số IMEI: 357195/05/011023/5.

- Trả lại cho bị cáo Trần Văn C2: 01 điện thoại Nokia model 1035 màu đen, số IMEI: 353686/07/717254/1; 01 xe Drem màu nâu, biển số 61H1-161.66, số máy: HA08E-1570775.

- Trả lại cho bị cáo Trần Đức L: 01 điện thoại Nokia model 1208, số IMEI: 54309/04/260482/4.

- Trả lại cho ông Đỗ Văn A: 01 xe Cup màu xanh, biển số 51FB-3639, số máy: C50E-9073112.

- Giao cho Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương xử lý theo thẩm quyền: 01 xe mô tô Wave màu đỏ, biển số 61N1- 2985, số máy: VDP1P52FMH303554 của Đinh Văn Đ1.

(Vật chứng trên thể hiện tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 04/8/2017 và biên lai thu tiền số AA/2013/02267 ngày 03/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương).

3. Án phí: Áp dụng Khoản 1, Khoản 2 Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Văn T1 nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

- Bị cáo Đinh Văn Đ1 nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).
- Bị cáo Đào Văn Đ2 nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).
- Bị cáo Đinh Văn H nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).
- Bị cáo Trương Văn C1 nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).
- Bị cáo Nguyễn Chí T2 nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).
- Bị cáo Trần Văn C2 nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).
- Bị cáo Trần Đức L nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).
- Bị cáo Phạm Duy T3 nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/9/2017).

Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV 27 CA tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND H. D;
- Công an H. D;
- CC THA DS H. D;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Xuân Nam